

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05/7/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/HNGĐ-ST, ngày 25/02/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 01/6/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt có lý do.

*** Bị đơn:** Anh Dương C, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng N trình bày:

Chị và anh Dương C có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/8/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C tại tổ dân phố 8, phường H, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 vợ chồng bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế nên thường xảy ra mâu thuẫn, chị và anh C đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Dương C.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Dương C có 02 con chung tên là Dương L, sinh ngày 30/4/2004 và Dương A, sinh ngày 05/01/2008. Hiện nay cháu L đang

ở với anh C, cháu A đang ở cùng chị N. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được quyền nuôi cháu L sau khi vợ chồng ly hôn vì hiện nay cháu L đang học tập và ở cùng anh C, chị có nguyện vọng nuôi cháu A và đề nghị Tòa án không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị N xác nhận chị và anh C không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Dương C trình bày:

Anh và chị Hoàng N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/8/2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại tổ dân phố 8, phường H, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng chị N không nghe và đã về nhà ngoại ở cùng con chung (cháu Dương A). Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn cãi nhau do anh nóng nảy nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Dương L, sinh ngày 30/4/2004 và Dương A, sinh ngày 05/01/2008. Hiện nay cháu L đang ở với anh, cháu A đang ở cùng chị N. Nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc vụ thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và đối chiếu chứng cứ cho anh Dương C nhưng anh C đều vắng mặt và có ý kiến do bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để ra giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Hoàng N và anh Dương C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2003. Anh C và chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 8, phường H, thành phố T. Từ đầu năm 2020 chị N và anh C thường xuyên cãi nhau, mỗi người một ý, không ai chịu ai, gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nhưng không ai nghe. Hiện nay chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở không thấy về nhà nữa. Nay chị N xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Dương L, sinh ngày 30/4/2004 và Dương A, sinh ngày 05/01/2008. Hiện nay cháu L đang ở với anh C, cháu A đang ở cùng chị N. Chị N và anh C không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Hoàng N có đơn xin vắng mặt, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với anh Dương C; chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Dương A, sinh ngày 05/01/2008 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn; chị N không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Dương L, sinh ngày 30/4/2004 hiện nay đang ở với anh C, đến thời điểm này cháu L đã đủ 18 tuổi

nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Chị N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với anh Dương C đến tham gia tố tụng nhưng anh C vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng N về việc xin ly hôn anh Dương C.

Về con chung: Giao cháu Dương A, sinh ngày 05/01/2008 cho chị Hoàng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn; anh Dương C không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết). Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cháu Dương L, sinh ngày 30/4/2004 đã đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Hoàng N xác nhận chị và anh Dương C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 25/02/2022, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Dương C bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và tổng đạt trực tiếp nhưng anh C không đến Tòa án giải quyết vụ việc, tại các buổi hòa giải anh C vẫn vắng mặt và anh C có ý kiến do bận công việc nên không đến Tòa án làm việc. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng N và anh Dương C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/8/2003. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, Chị N và anh C sinh sống tại tổ dân phố 8, phường H, thành phố T cùng với gia đình anh C. Từ cuối năm 2021, chị N và anh C đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh C có ý kiến về việc mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên Tòa án đã

nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng anh C vẫn không đến tham gia, như vậy thể hiện ý kiến của anh C không có căn cứ chấp nhận. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng N xin ly hôn anh Dương C.

[3] Về con chung: Chị Hoàng N và anh Dương C có 02 con chung là Dương L, sinh ngày 30/4/2004 và Dương A, sinh ngày 05/01/2008. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh C, cháu A đang ở cùng chị N. Tại thời điểm chị N nộp đơn khởi kiện, cháu L chưa đủ 18 tuổi nên chị N có yêu cầu giải quyết về con chung (cháu L), đến ngày xét xử sơ thẩm cháu L đã đủ 18 tuổi nên chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nữa. Xét nguyện vọng của con chung về việc sau khi bố mẹ ly hôn và yêu cầu của chị N. Hội đồng xét xử thấy: Để tránh ảnh hưởng đến việc học tập và tâm lý trẻ em, cần giao cháu Dương A cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N. Chị N không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết. Cháu Dương L đã đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu giải quyết.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Hoàng N và anh Dương C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Dương C không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng N về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng N được ly hôn anh Dương C.
2. Về con chung: Giao cháu Dương A, sinh ngày 05/01/2008 cho chị Hoàng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn; anh Dương C không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị N không yêu cầu). Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Con chung Dương L, sinh ngày 30/4/2004 đã đủ 18 tuổi nên chị N không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Hoàng N và anh Dương C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng N phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000222 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị N đã nộp đủ án phí. Anh Dương C không phải chịu án phí.

Chị Hoàng N và anh Dương C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã T, H. T, Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang